

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1

BÀI 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC

Câu 1: Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng và đầy đủ** về khái niệm Lịch sử?

- A. Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.
- B. Lịch sử là những gì diễn ra ở mỗi dân tộc.
- C. Lịch sử là những gì diễn ra ở mỗi quốc gia.
- D. Lịch sử là quá trình tiến hóa của con người.

Câu 2: Lịch sử được hiểu theo những nghĩa nào sau đây?

- A. Là việc tái hiện lại lịch sử và học tập lịch sử suốt đời.
- B. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.
- C. Lịch sử được con người nhận thức và hiểu biết lịch sử.
- D. Hiện thực lịch sử và trí thức của con người về lịch sử.

Câu 3: So với hiện thực lịch sử, lịch sử được con người nhận thức có đặc điểm gì có đặc điểm gì?

- A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.
- B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.
- C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.
- D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử.

Câu 4: Khái niệm nào sau đây là đúng về Sử học?

- A. Sử học là khoa học nghiên cứu về hoạt động của con người.
- B. Sử học là khoa học nghiên cứu về văn hóa của con người.
- C. Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
- D. Sử học là khoa học nghiên cứu về tiến hóa của con người.

Câu 5: Đối tượng nghiên cứu của Sử học là

- A. quá trình phát triển của loài người.
- B. những hoạt động của loài người.
- C. quá trình tiến hóa của loài người.
- D. toàn bộ quá khứ của loài người.

Câu 6: Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ là chức năng nào sau đây của Sử học?

- A. Khoa học.
- B. Tái hiện.
- C. Nhận biết.
- D. Phục dựng.

Câu 7: Thông qua việc tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm là nhiệm vụ nào sau đây của Sử học?

- A. Nhận biết.
- B. Dự báo.
- C. Phục dựng.
- D. Tuyên truyền.

Câu 8: Nội dung nào sau đây **không** phải là chức năng của Sử học?

- A. Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức.
- B. Rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống.
- C. Khôi phục các sự kiện lịch sử trong quá khứ.
- D. Góp phần dự báo về tương lai của đất nước.

Câu 9: Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và rút ra bài học kinh nghiệm hiện tại là chức năng nào sau đây của Sử học?

- A. Xã hội.
- B. Khoa học.
- C. Giáo dục.
- D. Dự báo.

Câu 10 : toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại khách quan và không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người nhận thức được gọi là

- A. nhận thức lịch sử
- B. sự kiện tương lai
- B. hiện thực lịch sử
- C. khoa học lịch sử

Câu 11: Lịch sử được con người nhận thức phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Điều kiện không gian, địa lí.
- B. Nhu cầu và năng lực tìm hiểu.
- C. Điều kiện về kinh tế, xã hội.
- D. Khả năng điều tra thực địa.

BÀI 2: TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Câu 1: Lịch sử cung cấp cho con người những thông tin hữu ích nào sau đây?

- A. Quá khứ của chính con người và xã hội loài người.
- B. Quá trình phát triển và tiên bộ của xã hội loài người.
- C. Quá trình tiến hóa của con người trong lịch sử.
- D. Quá trình lao động sản xuất và tiến hóa xã hội.

Câu 2: Nhờ vào đâu con người biết về nguồn gốc tổ tiên của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc...?

- A. Tiến hóa.
- B. Nghiên cứu.
- C. Học tập.
- D. Lịch sử.

Câu 3: Yếu tố cốt lõi nào tạo nên ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa của cộng đồng dân tộc?

- A. Nghiên cứu và học tập.
- B. Dự đoán được tương lai.
- C. Hiểu biết về lịch sử.
- D. Hiểu biết về hiện tại.

Câu 4: Hình thức học tập nào dưới đây không phù hợp với môn Lịch sử?

- A. Học trên lớp.
- B. Xem phim tài liệu, lịch sử.
- C. Tham quan, điền dã.
- D. Học trong phòng thí nghiệm.

Câu 5: Học tập và nghiên cứu lịch sử đưa đến cho con người cơ hội nào sau đây?

- A. Trở thành nhà quân sự lỗi lạc.
- B. Cơ hội về nghề nghiệp mới.
- C. Cơ hội về tương lai mới.
- D. Trở thành nhà chính trị gia.

Câu 6: Hiểu biết sâu sắc về lịch sử và văn hóa dân tộc Việt Nam, của các nước trong khu vực và thế giới sẽ tạo ra cơ hội nào sau đây?

- A. Định hướng nghề nghiệp.
- B. Hiểu biết về tương lai.
- C. Hợp tác về kinh tế.
- D. Hội nhập thành công.

Câu 7: Nội dung nào phản ánh **không** đúng khi nói đến sự cần thiết của việc học tập và khám phá lịch sử hiện nay?

- A. Học tập lịch sử chỉ diễn ra khi còn ngồi trên ghế nhà trường.
- B. Học tập lịch sử diễn ra mọi lúc, mọi nơi trong cuộc sống.
- C. Học tập lịch sử thông qua tham quan di tích, bảo tàng lịch sử.
- D. Học tập lịch sử thông qua phim ảnh, âm nhạc, truyện kể.

Câu 8: Nhận định nào sau đây là **không** đúng khi nói đến việc: *trong cuộc sống hàng ngày chúng ta đã và đang bắt gặp lịch sử ở khắp mọi nơi?*

- A. Lịch sử hiện hữu trong mỗi nếp nhà.
- B. Lịch sử hiện hữu trên từng con phố.
- C. Lịch sử hiện hữu trong mỗi bản làng.
- D. Lịch sử hiện hữu trong từng bài học.

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh ý nghĩa của tri thức lịch sử?

- A. Giúp con người nhận thức sâu về nguồn cội.
- B. Giúp con người rút ra kinh nghiệm từ quá khứ.
- C. Giúp con người có thể thay đổi được quá khứ.
- D. Giúp con người có thể dự báo được tương lai.

Câu 10: Nội dung nào là nhiệm vụ cơ bản của công tác chuẩn bị sử liệu?

- A. Tìm kiếm, tra cứu và xử lý sử liệu.
- B. Tìm kiếm và chọn lọc nguồn sử liệu.
- C. Suu tầm và xử lý thông tin sử liệu.
- D. Suu tầm và chọn lọc nguồn sử liệu.

Câu 11: Để tìm hiểu và khám phá lịch sử, người nghiên cứu phải dựa vào yếu tố nào sau đây?

- A. Khảo cổ học.
- B. Thư tịch cổ.
- C. Tư liệu gốc.
- D. Nguồn sử liệu.

Câu 12: Yếu tố nào sau đây không phải là quá trình sưu tầm sử liệu?

- A. Lập danh mục sử liệu cần sưu tầm.
- B. Tìm kiếm thông tin liên quan.

C. Thu thập thông tin liên quan.

D. Lập kế hoạch nghiên cứu.

Câu 13: Qua câu truyện cổ tích “Thánh Gióng” đánh đuổi giặc Ân. Hãy cho biết, đây thuộc loại nguồn sử liệu nào?

A. Sử liệu viết.

B. Sử liệu truyền miệng.

C. Sử liệu hình ảnh.

D. Sử liệu đa phương tiện.

BÀI 3 : VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

Câu 1. Ngành nào sau đây đã góp phần thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia?

A. Du lịch.

B. Kiến trúc.

C. Kinh tế.

D. Dịch vụ.

Câu 2. Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là phải đảm bảo tính

A. hiện đại.

B. nguyên trạng.

C. hệ thống.

D. nhân tạo.

Câu 3. Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản văn hóa là kết quả nghiên cứu

A. Sử học.

B. Địa lí.

C. Văn học.

D. Toán học.

Câu 4. Di sản nào sau đây được xem là di sản văn hóa vật thể?

A. Đàn ca tài tử.

B. Nghệ thuật ca trù.

C. Hát xướng, hát xoan.

D. Thành quách, lăng tẩm.

Câu 5. Di sản nào sau đây được xem là di sản văn hóa phi vật thể?

A. Cung điện.

B. Nhà cổ.

C. Lăng tẩm.

D. Đờn ca tài tử.

Câu 6. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị của mình sẽ góp phần phát triển

A. kinh tế - chính trị.

B. kinh tế - tư tưởng.

C. kinh tế - xã hội.

D. chính trị - xã hội.

Câu 7. Tổ chức quốc tế nào sau đây ghi danh, công nhận các danh mục di sản văn hóa thế giới?

A. ASEAN.

B. NATO.

C. UNESCO.

D. WTO.

Câu 8. Một trong những giải pháp góp phần quan trọng khắc phục các tác động tiêu cực của điều kiện tự nhiên và con người đến giá trị di sản văn hóa phi vật thể là

A. bảo tồn và phát huy.

B. tái tạo và trùng tu.

C. gìn giữ và làm mới.

D. đầu tư và phát triển.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** được xem là biện pháp để bảo tồn và phát huy tốt hơn giá trị của di sản văn hóa?

A. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

B. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

C. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản.

D. Làm mới lại các di sản văn hóa đang bị xuống cấp.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phải là vai trò của du lịch trong việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa?

A. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển.

B. Quảng bá lịch sử, văn hóa cộng đồng.

C. Kết nối, nâng cao vị thế của ngành du lịch, lịch sử.

D. Góp phần ổn định an ninh chính trị của quốc gia.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là vai trò của lịch sử đối với sự phát triển của ngành du lịch

A. là di sản, tài nguyên quý giá để phát triển du lịch.

B. cung cấp tri thức lịch sử, văn hóa để phát triển du lịch.

C. đề xuất ý tưởng, kế hoạch xây dựng chiến lược phát triển.

D. là yếu tố quyết định hàng đầu đối với sự phát triển du lịch.

Câu 12. Du lịch có vai trò như thế nào trong việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa?

A. Nguồn lực hỗ trợ.

B. Can thiệp trực tiếp.

C. Hoạch định đường lối.

D. Tổ chức thực hiện.

Câu 13. Hiện nay, giải pháp cấp bách hàng đầu trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là gì?

A. Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo tồn di sản.

B. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất hiện đại.

C. Tăng cường các biện pháp bảo vệ di sản.

D. Xử lý nghiêm về vi phạm các giá trị di sản.

BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1. Yếu tố tạo ra đặc tính, bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội là

A. văn học.

B. văn hóa.

C. văn tự.

D. văn minh.

Câu 2. Đây là khái niệm văn minh của loài người?

A. Là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.

B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.

C. Là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

D. Là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 3. Những nền văn minh đầu tiên trên thế giới được hình thành vào khoảng nửa sau thiên niên kỉ thứ IV TCN ở khu vực nào dưới đây?

A. Châu Âu và Tây Phi.

B. Tây Âu và châu Mỹ.

C. Châu Á và Bắc Phi.

D. Nam Mỹ và châu Đại Dương.

Câu 4. Hệ thống chữ viết cổ nhất của người Ai Cập được gọi là

A. chữ tượng thanh.

B. chữ tượng hình.

C. chữ tượng ý.

D. Chữ cái Rô-ma.

Câu 5. Loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất của người Ai Cập cổ đại là

A. Tháp Thạt Luồng.

B. các kim tự tháp.

C. Đấu trường Rô-ma.

D. Vạn lí trường thành.

Câu 6. Văn học Ấn Độ trở thành nguồn cảm hứng không chỉ trong nước mà nó còn lan một số nơi khác trên thế giới, tiêu biểu là ở khu vực nào?

A. Phía Tây châu Á.

B. Đông Bắc Á.

C. Đông Nam Á.

D. Châu Đại Dương.

Câu 7. Đây là khái niệm văn hóa của loài người?

A. Là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.

B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.

C. Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.

D. Là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 8. Yếu tố nào là cơ sở để người Ấn Độ sáng tạo nên chữ viết San - xcrit

A. Chữ giáp cốt và chữ Hán.

B. Chữ tượng hình và chữ Phê-ni-xi.

C. Chữ Kha-rốt-thi và chữ Bra-mi.

D. Chữ viết Hy Lạp và chữ số La Mã.

Câu 9. Tôn giáo nào **không** khởi nguồn từ Ấn Độ?

A. Hồi giáo. C. Hin-đu giáo. B. Phật giáo. D. Bà La Môn giáo.

Câu 10. Nhận định nào đúng về ý nghĩa những thành tựu của văn minh Ấn Độ đạt được?

- A. Góp phần thúc đẩy chế độ phong kiến ra đời sớm nhất ở phương Đông.
- B. Là mối liên hệ về tri thức, khoa học,...giữa phương Đông và phương Tây.
- C. Là minh chứng cho sự ảnh hưởng của nền văn minh này đối với châu Âu.
- D. Đóng góp quan trọng vào kho tàng tri thức của nhân loại.

Câu 11. Tiêu biểu nhất cho nền văn học Trung Hoa thời cổ-trung đại là loại hình nào?

- A. Truyền thuyết, truyện ngắn. B. Thơ Đường, tiểu thuyết.
- C. Thơ ca, truyện ngụ ngôn. D. Văn học viết, thần thoại.

Câu 12. Đâu **không** phải là thành tựu về toán học của người Trung Hoa thời cổ-trung đại đạt được?

- A. Phát minh ra bàn tính. B. Sử dụng hệ số đếm thập phân.
- C. Tính được số pi tới 7 chữ số. D. Đã sử dụng phép tính cộng và trừ.

Câu 13. 10 chữ số mà ngày nay chúng ta đang sử dụng là thành tựu của nền văn minh nào?

- A. Ai Cập. C. Ấn Độ. B. Hy Lạp - La Mã. D. Trung Hoa.

Câu 14. Loại chữ viết của nền văn minh nào được cư dân nhiều quốc gia Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại tiếp thu?

- A. Văn minh Ấn Độ. C. Văn minh Lưỡng Hà.
- B. Văn minh Trung Hoa. D. Văn minh Hy Lạp - La Mã.

Câu 15. Thành tựu nào dưới đây **không** thuộc “Tứ đại phát minh” về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại?

- A. Kĩ thuật làm giấy. C. Thuốc súng. B. Kĩ thuật làm lịch. D. La bàn.

Câu 16. Đâu là một trong bốn phát minh lớn của người Trung Hoa vào thời cổ-trung đại và thế giới vẫn còn tiếp tục sử dụng đến ngày nay?

- A. Phát minh ra la bàn. B. Chế tạo bê tông.
- C. Nêu ra thuyết nguyên tử. D. Giải về giải phẫu người.

Câu 17. Những nền văn minh nào ở phương Đông vào thời cổ đại vẫn tiếp tục phát triển thời kỳ trung đại?

- A. Văn minh May-a và văn minh In-ca.
- B. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.
- C. Văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã.
- D. Văn minh A-dơ-tếch và văn minh In-ca.

Câu 18. Nền văn minh nào sau đây ở phương Đông đã thể hiện rõ nét mối liên hệ về tri thức, khoa học, kĩ thuật giữa phương Đông và phương Tây thời cổ - trung đại?

- A. Văn minh Ấn Độ. B. Văn minh Ai Cập.
- C. Văn minh Lưỡng Hà. D. Văn minh Trung Hoa.

Câu 19. Một trong những loại hình tiêu biểu của nền văn học Trung Hoa thời cổ-trung đại là

- A. truyện ngắn. B. thơ Đường. C. truyện ngụ ngôn. D. thần thoại.

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Lịch sử là gì? Phân biệt hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức thông qua ví dụ cụ thể.

Câu 2. Trình bày đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của sử học. Nêu ví dụ cụ thể.

Câu 3. Vì sao phải học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời ?

Câu 4. Có thể học tập và tìm hiểu lịch sử qua các hình thức nào? Hình thức nào giúp em có hứng thú và đạt hiệu quả cao nhất.

Câu 5: Trình bày vai trò của Sử học đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

Câu 6: Trình bày vai trò của công tác bảo tồn, phát huy các giá trị của di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

Câu 7. Hãy kể tên một số di tích lịch sử, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của địa phương em. Địa phương em đã làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên đó.

Câu 8. Trình bày thành tựu chính của văn minh Ai cập, Ấn Độ, Trung Quốc. Lấy ví dụ về một số thành tựu của Ấn Độ, Trung Quốc ảnh hưởng đến Việt Nam.